

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất lần thứ 07 ngày 04 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hào	Chủ tịch
Ông Lưu Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lưu Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Lữ Đình Bé	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Bà Lưu Thị Minh Hằng	Trưởng ban
Ông Phan Minh Trung	Thành viên
Ông Bạch Khôi Tinh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Lưu Thanh Tùng	Giám đốc
--------------------	----------

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lưu Thanh Tùng
Giám đốc

Gia Lai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Số : 28.11.3.1/25/BCTC/NVA.CNHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Giám đốc**



Nguyễn Hải Linh
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3407-2025-152-1

Kiểm toán viên

Đỗ Thị Minh Duyên
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5664-2023-152-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.234.365.843	76.844.197.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.071.525.466	5.289.206.814
1. Tiền	111	V.1	23.071.525.466	5.289.206.814
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.075.761.761	66.320.599.410
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	76.362.636.124	69.245.537.574
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	2.205.520.248	1.965.307.836
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(6.492.394.611)	(4.890.246.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	4.087.078.616	5.234.391.157
1. Hàng tồn kho	141		4.087.078.616	5.234.391.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.10	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.595.339.864	13.234.810.257
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		11.035.535.583	12.345.474.274
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	11.035.535.583	12.345.474.274
- Nguyên giá	222		41.301.667.166	40.296.456.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.266.131.583)	(27.950.981.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		559.804.281	889.335.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	559.804.281	889.335.983
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		110.829.705.707	90.079.007.638

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.848.263.688	63.612.075.536
I. Nợ ngắn hạn	310		83.848.263.688	63.612.075.536
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	38.621.950.368	22.111.417.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	5.102.984.912	4.719.224.440
4. Phải trả người lao động	314		36.197.397.312	35.921.050.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	222.156.957	219.492.964
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	184.551.625	113.076.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	3.000.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		519.222.514	527.814.412
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.981.442.019	26.466.932.102
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	26.981.442.019	26.466.932.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.605.278.000	4.259.458.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.316.164.019	4.147.474.102
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.316.164.019	4.147.474.102
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		110.829.705.707	90.079.007.638

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lưu Thanh Tùng

Gia Lai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

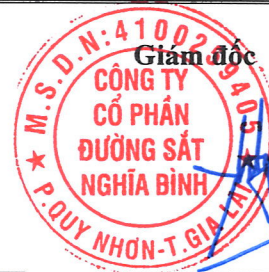
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	238.160.603.460	227.641.152.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		238.160.603.460	227.641.152.891
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	212.803.088.459	204.016.017.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.357.515.001	23.625.134.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.834.637.251	1.735.435.296
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.301.370	10.547.945
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.301.370</i>	<i>10.547.945</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	312.892.933	272.219.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	21.016.829.256	19.399.956.767
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.860.128.693	5.677.846.403
11. Thu nhập khác	31	VI.5	27.982.563	162.576.852
12. Chi phí khác	32	VI.6	36.220.638	235.531.572
13. Lợi nhuận khác	40		(8.238.075)	(72.954.720)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.851.890.618	5.604.891.683
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	1.535.726.599	1.457.417.581
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.316.164.019	4.147.474.102
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.390	1.541
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.390	1.541

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lưu Thanh Tùng

Gia Lai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		248.240.523.643	239.378.489.189
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(104.909.236.135)	(125.270.804.728)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(101.807.148.738)	(92.005.838.509)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.301.370)	(10.547.945)
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(682.430.027)	(1.569.904.272)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.301.484.822	1.630.844.093
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.767.303.208)	(21.435.031.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.373.588.987	717.205.863
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.005.211.111)	(2.636.212.963)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	160.725.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		15.000.000.000	(120.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(15.000.000.000)	120.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.834.637.251	1.735.435.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		829.426.140	(740.052.667)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.000.000.000)	(5.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.420.696.475)	(2.383.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		579.303.525	(2.383.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.782.318.652	(2.406.766.804)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.289.206.814	7.695.973.618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.071.525.466	5.289.206.814

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lưu Thanh Tùng

Gia Lai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất lần thứ 07 ngày 04 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong năm

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 545 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 520 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp Xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm Dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quý Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	15 – 37	15 – 37
Máy móc thiết bị	05 – 12	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07	03 – 07

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm lập báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí văn phòng dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VI.1 và VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	432.988.450	190.362.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.638.537.016	5.098.844.056
Cộng	23.071.525.466	5.289.206.814

2. Phải thu khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	66.761.016.496	52.914.772.525
Các khách hàng khác	9.601.619.628	16.330.765.049
Cộng	76.362.636.124	69.245.537.574

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2**3. Phải thu khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	146.946.000
Phải thu khác	2.105.520.248	1.818.361.836
- Phải thu CBCNV – BHXH	506.123.200	465.302.612
- Phải thu CBCNV – BHYT	94.919.800	93.387.500
- Phải thu CBCNV – BHTN	63.261.800	62.239.400
- Phải thu CBCNV – Thuế TNCN	1.291.807.698	1.145.465.154
- Các khoản phải thu khác	149.407.750	51.967.170
Cộng	2.205.520.248	1.965.307.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Nợ xấu

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
Công ty Cổ phần Thống nhất 508	1.140.916.000	1.140.916.000	-	1.140.916.000	1.140.916.000	-
Công ty Cổ phần Công trình 875	3.749.330.000	3.749.330.000	-	3.749.330.000	3.749.330.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	852.279.611	852.279.611	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	749.869.000	749.869.000	-	-	-	-
Cộng	6.492.394.611	6.492.394.611	-	4.890.246.000	4.890.246.000	-

5. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	255.740.428	-	322.724.663	-
Công cụ, dụng cụ	73.743	-	660.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.818.233.311	-	4.899.907.060	-
Hàng hóa	13.031.134	-	11.099.434	-
Cộng	4.087.078.616	-	5.234.391.157	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Dài hạn		
Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	366.061.967	304.634.321
Chương trình phần mềm	58.670.000	-
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	338.511.310
Các khoản khác	135.072.314	246.190.352
Cộng	559.804.281	889.335.983

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.805.326.557	12.252.221.023	16.203.022.111	35.886.364	40.296.456.055
Số tăng trong năm	-	1.005.211.111	-	-	1.005.211.111
- Mua trong năm	-	1.005.211.111	-	-	1.005.211.111
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.805.326.557	13.257.432.134	16.203.022.111	35.886.364	41.301.667.166
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.625.830.009	9.229.392.832	9.059.872.576	35.886.364	27.950.981.781
Số tăng trong năm	246.547.850	884.353.164	1.184.248.788	-	2.315.149.802
- Khấu hao trong năm	246.547.850	884.353.164	1.184.248.788	-	2.315.149.802
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.872.377.859	10.113.745.996	10.244.121.364	35.886.364	30.266.131.583
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.179.496.548	3.022.828.191	7.143.149.535	-	12.345.474.274
Tại ngày cuối năm	1.932.948.698	3.143.686.138	5.958.900.747	-	11.035.535.583

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 16.520.521.411 đồng.

Tài sản cố định của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc đặt tại khu đất thuê trả tiền hàng năm của Nhà nước tại địa chỉ Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Vay và nợ thuê tài chính

	Đầu năm		Phát sinh trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	4.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	-	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	<i>3.000.000.000</i>	-	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ^(a)	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	-	-	4.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a) Khoản vay Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 08/2025/HĐVV ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam với số tiền 3.000.000.000 đồng mục đích thanh toán vật tư, các khoản chi phục vụ công tác khắc phục hậu quả bão; thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

9. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại đường sắt Đông Dương	17.340.171.568	17.340.171.568	12.451.669.181	12.451.669.181
Công ty Cổ phần xây lắp và Cơ khí cầu đường	11.059.841.548	11.059.841.548	-	-
Các đối tượng khác	10.221.937.252	10.221.937.252	9.659.747.845	9.659.747.845
Cộng	38.621.950.368	38.621.950.368	22.111.417.026	22.111.417.026

b. Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp Trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.119.198.125	10.128.160.947	10.744.039.591	-	2.503.319.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	454.561.161	1.535.726.599	682.430.027	-	1.307.857.733
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.145.465.154	1.442.414.358	1.296.071.814	-	1.291.807.698
Thuế đất, tiền thuê đất	-	-	687.839.988	687.839.988	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	8.994.269	8.994.269	-	-
Cộng	-	4.719.224.440	13.809.136.161	13.425.375.689	-	5.102.984.912

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí điện nước	2.562.457	47.195.714
Trích trước chi phí tiền thuê đất tại 243 Trần Phú, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	94.594.500	47.297.250
Chi phí khác	125.000.000	125.000.000
Cộng	222.156.957	219.492.964

12. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.551.625	113.076.000
Cộng	184.551.625	113.076.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.060.000.000	3.859.458.000	4.025.590.396	25.945.048.396
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	4.147.474.102	4.147.474.102
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	400.000.000	(4.025.590.396)	(3.625.590.396)
Số dư cuối năm trước	18.060.000.000	4.259.458.000	4.147.474.102	26.466.932.102
Số dư đầu năm nay	18.060.000.000	4.259.458.000	4.147.474.102	26.466.932.102
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	4.316.164.019	4.316.164.019
Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	345.820.000	(4.147.474.102)	(3.801.654.102)
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	4.605.278.000	4.316.164.019	26.981.442.019

(*) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	345.820.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.073.554.102
Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	290.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.438.100.000
Tổng	4.147.474.102

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51	9.210.600.000	51
Các cổ đông khác	8.849.400.000	49	8.849.400.000	49
Cộng	18.060.000.000	100	18.060.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	18.060.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.438.100.000	2.383.920.000

d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.806.000</i>	<i>1.806.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.806.000</i>	<i>1.806.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.605.278.000	4.259.458.000
Cộng	4.605.278.000	4.259.458.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=25m	Thanh	57	45.600
Ray P43 L=12,5m	Thanh	3.364	1.036.800
Ray P50 L=25m	Thanh	52	9.600
Ray P43	Mét	1.779	56.931
Ray P30 L=12m	Thanh	118	31.860
Ray P30	Mét	255	5.608
Lập lách P43	Bộ	3.599	50.386
Lập lách P50	Bộ	21	294
Lập lách P30	Bộ	15	150
Lập lách ĐB P43-50	Bộ	24	154
Lập lách ĐB P50-50	Bộ	3	154
Tâm ghi tg 1/9 P50	Cái	1	400
Tâm ghi tg 1/10 P43	Cái	18	7.200
Lưỡi ghi P43	Cái	24	4.800
Xương ghi tg 1/9 P50	Bộ	2	10.000
Tà vẹt sắt	Thanh	29.722	475.552
Tà vẹt bê tông TN1	Thanh	7	-
Tà vẹt bê tông các loại	Thanh	21.039	-
Tà vẹt bê tông TLK	Thanh	70	-
Bu lông các loại	Cái	152.968	45.890
Cóc các loại	Cái	189.485	56.846
Đinh Tiaraphong	Cái	26.228	7.868
Đinh Cramphong	Cái	17.093	5.128
Đinh xoắn	Cái	7.796	2.339
Căn sắt	Cái	77.069	23.121
Đệm cao su TVBT	Tấm	1.332	400
Đệm cao su ghi P50	Tấm	76	23
Đệm sắt	Tấm	1.000	3.000

Vật tư nhận giữ hộ Dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm	
	Đơn vị tính	Số lượng
Tà vẹt bê tông DUL TN1	Thanh	1.901
Căn sắt	Cái	69.836
Cóc A+B đàn hồi	Cái	21.168
Đinh xoắn + êru	Cái	7.604
Tà vẹt sắt	Thanh	302
Lập lách ray P5043	Bộ	10
Bu lông cóc	Cái	2.905
Tâm ghi (tâm đúc)	Cái	1

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, bảo trì thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (*)	195.926.826.850	185.978.123.148
Doanh thu hoạt động xây lắp khác và hoạt động khác	42.233.776.610	41.663.029.743
Cộng	238.160.603.460	227.641.152.891

(*): Là doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, bảo trì thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025 sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, lý trình từ Km 903+00 đến Km 1096+200 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh; Km 0+00 đến Km 10+300 tuyến đường sắt Diêu Trì – Quy Nhơn.

Doanh thu với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.2.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý, bảo trì thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (*)	171.435.548.714	162.556.729.625
Giá vốn hoạt động xây lắp khác và hoạt động khác	41.367.539.745	41.459.288.333
Cộng	212.803.088.459	204.016.017.958

(*): Đây là giá vốn của dịch vụ quản lý, bảo trì thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025 sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, lý trình từ Km 903+00 đến Km 1096+200 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh; Km 0+00 đến Km 10+300 tuyến đường sắt Diêu Trì – Quy Nhơn.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.834.637.251	1.735.435.296
Cộng	1.834.637.251	1.735.435.296

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.301.370	10.547.945
Cộng	2.301.370	10.547.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	160.725.000
Thu nhập khác	27.982.563	1.851.852
Cộng	27.982.563	162.576.852
6. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khác	36.220.638	235.531.572
Cộng	36.220.638	235.531.572
7. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khác bằng tiền	312.892.933	272.219.114
Cộng	312.892.933	272.219.114
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.663.093.162	9.579.120.599
Thuế, phí và lệ phí	612.712.795	1.591.113.774
Chi phí dự phòng	1.602.148.611	1.124.199.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.138.874.688	7.105.523.394
Cộng	21.016.829.256	19.399.956.767
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.630.736.319	79.113.536.385
Chi phí nhân công	116.127.352.848	109.204.710.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.315.149.802	2.403.354.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.283.403.262	14.101.979.611
Chi phí khác bằng tiền	21.094.277.757	17.915.588.199
Chi phí dự phòng	1.602.148.611	1.124.199.000
Cộng	233.053.068.599	223.863.368.205

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.851.890.618	5.604.891.683
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.826.742.378	1.682.196.221
+ Chi phí trích lập dự phòng	1.602.148.611	1.124.199.000
+ Chi phí không được trừ	224.593.767	557.997.221
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	7.678.632.996	7.287.087.904
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1.535.726.599	1.457.417.581
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.535.726.599	1.457.417.581

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.316.164.019	4.147.474.102
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.316.164.019	4.147.474.102
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành (*)	-	1.363.554.102
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi trên cổ phiếu	2.390	1.541
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.390	1.541
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.390	1.541

(*) Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: Xem thêm tại thuyết minh VI.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống
Chi nhánh Vận tải đường sắt Nha Trang - Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong hệ thống
Chi nhánh - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Đơn vị trong hệ thống
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
Phân hiệu Cao đẳng nghề Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
Chi nhánh khai thác Đường Sắt Nghĩa Bình	Đơn vị trong hệ thống
Chi nhánh khai thác Đường Sắt Phú Khánh	Đơn vị trong hệ thống

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Doanh thu quản lý, bảo trì thường xuyên	195.926.826.850	185.978.123.148
	Doanh thu khác	34.891.513.825	3.906.404.683
	Trả cổ tức	1.243.431.000	1.215.799.200
	Chi phí thuê nhà cung đường	-	52.288.835
	Vay ngắn hạn	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Doanh thu khác	-	10.099.091
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Doanh thu khác	-	(270.245.455)
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt	Chi phí vận chuyển hành khách	83.206.916	78.882.712
Trung tâm Y tế Đường sắt	Chi phí vận chuyển hàng	2.192.822.000	-
	Chi phí khám sức khỏe định kỳ	262.216.667	254.466.667
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt	Chi phí đào tạo	14.000.000	-
Phân hiệu Cao đẳng nghề Đường sắt Đà Nẵng	Chi phí đào tạo nghiệp vụ	2.931.134.000	993.215.000
Chi nhánh - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Chi phí kiểm tra chất lượng kỹ thuật cầu đường bằng máy EM120	862.409.045	-
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Chi phí thi công công trình sửa chữa cầu Km 912+220; 935+612	-	339.089.219
	Chi phí thi công công trình SC đường sắt Km 1016+650-1017+380 và ghi Bồng Sơn	50.889.462	-
	Chi phí lắp đặt hệ thống giám sát	-	157.978.704
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	Chi phí phần thi công TTTT gói thầu số XL-VNT2-02 cải tạo đoạn Km 688+320-1197+520	73.160.213	-
Chi nhánh khai thác Đường Sắt Nghĩa Bình	Chi phí thuê nhà cung đường	181.583.328	97.114.920
Chi nhánh khai thác Đường Sắt Phú Khánh	Chi phí thuê nhà cung đường	29.061.146	15.193.573
Công ty Cổ phần xe lửa Gia Lâm	Mua vật tư	223.112.400	366.004.840

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	66.761.016.496	54.506.634.525
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	66.761.016.496	52.914.772.525
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	580.753.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	-	1.011.109.000
Phải trả người bán ngắn hạn	520.661.503	798.671.241
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	54.960.619	332.970.357
Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt VN - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	465.700.884	465.700.884
Vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.619.293.466	2.780.601.200
Cộng	2.619.293.466	2.780.601.200

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lưu Thanh Tùng

Gia Lai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

